TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tần Quốc Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt
2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy, Thư ký Toà án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 4, TP. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NTT, sinh năm 1982 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Phường P.M, tp, PR-TC, Tỉnh NT
- Bị đơn: Ông NVT, sinh năm 1972 (vắng mặt)
Địa chỉ: TTT, Phường x, Quận 4, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà NTT trình bày:

Bà T*** và ông T**** chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2014).

Sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Ông T**** không quan tâm, chia sẽ với vợ con, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được, gây ảnh hưởng đến con cái nên bà T*** yêu cầu ly hôn với ông T**** để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T*** và ông T**** có 02 con chung là NTMK, sinh ngày 01/01/2014 và NTMT, sinh ngày 01/01/2015. Bà T*** nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, không yêu cầu ông T**** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà T*** và ông T**** không có tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn ông NVT vắng mặt mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập. Do đó, trong hồ sơ không có lời khai và ý kiến của ông T****. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng ông T**** vẫn không có mặt tại Tòa án. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T**** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Tại Biên xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4 thể hiện: Qua xác minh được biết trước đây ông NVT và bà NTT thường xuyên có gây gỗ mâu thuẫn. Do ông T**** uống rượu say về thường to tiếng, quát mắng… Qua nắm tình hình được biết 02 con chung hiện sống cùng bà T***. Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà T*** và ông T**** đã ly thân từ năm 2020 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét thấy việc bà NTT khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình. Do ông NVT đang cư trú tại Quận 4 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông NVT không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy:

Bà NTT và ông NVT tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2014). Do đó, hôn nhân của bà T*** và ông T**** là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà T*** và ông T**** phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không đồng quan điểm và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau về tình cảm. Cả hai đã ly thân không còn chung sống với nhau nữa.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T**** vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện ông T**** không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T***. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa bà T*** và ông T**** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà NTT ly hôn với ông NVT.

Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà T*** và ông T**** có 02 con chung là NTMK, sinh ngày 30/6/2014 và NTMT, sinh ngày 01/7/2015. Ông T**** không có lời khai ý kiến về con chung. Nhưng hiện cả hai con chung đều đang sống với bà T***, do bà T*** trực tiếp chăm sóc từ nhỏ đến nay và tại bản tự khai cháu Kim và cháu Tiền đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do có, chấp nhận yêu cầu của bà T*** giao cả 02 con chung cho bà T*** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T*** về việc không yêu cầu ông T**** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T*** xác định không có và ông T**** không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà NTT phải chịu 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NTT được ly hôn với ông NVT (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, quyển số 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2014).

- Về con chung: Giao 02 con chung là NTMK, sinh ngày 30/6/2014 và NTMT, sinh ngày 01/7/2015 cho bà NTT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T*** về việc không yêu cầu ông NVT cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà NTT xác định không có và ông NVT không có ý kiến, yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà NTT phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thơ đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009082 ngày 05/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Bà NTT đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tần Quốc Bình